

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 351/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 11 năm 2019

Vv: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa;

2. Bà Trần Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2019, về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1789/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1915/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đinh Thị Trà G, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.

Bị đơn: Phạm Đình P, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2019, lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn chị Đinh Thị Trà G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình P quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ vào ngày 25 tháng 01 năm 2005. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sống

tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, chị phát hiện anh P có quan hệ với người đàn bà khác và chung sống với người đàn bà này, chị tha thứ cho anh P để vợ chồng về sống đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng anh P vẫn không từ bỏ và đưa hai con chung về nhà cha mẹ anh P ở thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B ở từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đình P.

- Về con chung: chị và anh P có hai con chung: Phạm Đình Nhật T - sinh ngày 27/10/2005, Phạm Tuấn K - sinh ngày 10/6/2008, hai con hiện đang ở với anh P. Vì hai con đang ở với anh P và đang học ở xã P, huyện T, tỉnh B nên chị giao hai con chung cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị và anh P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên đã không chấp hành các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G được ly hôn với anh P và giao hai con chung cho anh P trực tiếp chăm sóc dưỡng, chị G không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Đinh Thị Trà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Phạm Đình P cư trú tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng anh Phạm Đình P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

- Nguyên đơn chị Đinh Thị Trà G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh P không đến Tòa làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Chị G và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 01 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ nên hôn nhân giữa chị G và anh P là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị G, Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian sống chung, anh chị thường xuyên mâu thuẫn vì chị G cho rằng anh P có quan hệ với người đàn bà khác, chị tha thứ cho anh P để vợ chồng về sống đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng anh P vẫn không từ bỏ và đưa hai con chung về nhà cha mẹ anh P ở thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B ở từ năm 2017 cho đến nay và từ năm 2017 đến nay chị G và anh P không gặp nhau, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Tuy đã được thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh P không có ý kiến gì về việc chị G ly hôn. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị G được ly hôn anh P.

- Về quan hệ con chung: chị G và anh P có hai con chung: Phạm Đình Nhật T - sinh ngày 27/10/2005, Phạm Tuấn K - sinh ngày 10/6/2008, hai con hiện đang ở với anh P. Vì hai con đang ở với anh P và đang học ở xã P, huyện T, tỉnh B và theo nguyện vọng của hai con muốn ở với anh P nên giao hai con chung cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị G không có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con, anh P không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ: Chị G không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chị Đinh Thị Trà G được ly hôn anh Phạm Đình P.

2. Giao hai con chung là cháu Phạm Đình Nhật T - sinh ngày 27/10/2005, cháu Phạm Tuấn K - sinh ngày 10/6/2008, hai con hiện đang ở với anh Phạm Đình

P cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đinh Thị Trà G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Đinh Thị Trà G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003144 ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS H. T;
- UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHÁN PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh